

Chị H và anh L sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến xô xát. Bên cạnh đó anh L không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình. Chị H đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con cái nhưng không thành. Đến nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Mai Ngọc L nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Ngọc L.

Về con chung: Chị Phạm Thị Kim H và anh Mai Ngọc L có 02 con chung là cháu Mai Phương Th, sinh ngày: 30/12/2011 và cháu Mai Khánh L, sinh ngày: 09/10/2017. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Mai Phương Th và Mai Khánh L đến tuổi trưởng thành và chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Phạm Thị Kim H và anh Mai Ngọc L không có tài sản chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Phạm Thị Kim H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử chị được ly hôn với anh Mai Ngọc L. Về con chung: Chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Mai Phương Th, sinh ngày: 30/12/2011 và cháu Mai Khánh L, sinh ngày: 09/10/2017 cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Mai Ngọc L. Giao con chung cháu Mai Phương Th, sinh ngày: 30/12/2011 và cháu Mai Khánh L, sinh ngày: 09/10/2017 cho chị Phạm Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Mai Ngọc L có quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung

không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị Kim H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Mai Ngọc L, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Mai Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh L là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim H và anh Mai Ngọc L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố B ngày 16 tháng 4 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị H và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị H đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con cái nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được, chị H, anh L đã sống ly thân hơn 02 năm. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Quá trình chung sống thì vợ chồng chị Phạm Thị Kim H và anh Mai Ngọc L có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh L không lo làm ăn, chăm sóc gia đình. Do anh L thường xuyên vắng mặt tại địa phương vì vậy không thể tiến hành hòa giải ở địa phương được mà chuyển đến Tòa án giải quyết. Nay địa phương cung cấp những thông tin như trên để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Kim H và anh Mai Ngọc L đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Kim H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Kim H và anh Mai Ngọc L có 02 con chung là cháu Mai Phương Th, sinh ngày: 30/12/2011 và cháu Mai Khánh L, sinh

ngày: 09/10/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mai Phương Th và cháu Mai Khánh L đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy hai cháu Mai Phương Th và Mai Khánh L đều là con gái, đang trong độ tuổi phát triển và hiện nay hai cháu đều đang sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của hai cháu nên cần giao hai cháu Mai Phương Th và Mai Khánh L cho chị Phạm Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Kim H không yêu cầu anh Mai Ngọc L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim H được ly hôn với anh Mai Ngọc L.

- Về con chung: Giao cháu Mai Phương Th, sinh ngày: 30/12/2011 và cháu Mai Khánh L, sinh ngày: 09/10/2017 cho chị Phạm Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Mai Ngọc L, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Kim H không yêu cầu anh Mai Ngọc L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết

- Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 mà chị H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0018777 ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường K, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông